

Tóm tắt: Tín dụng là hoạt động chính yếu của các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam và vẫn là một trong những ưu tiên hàng đầu của Chính phủ trong giai đoạn hiện nay. Tăng trưởng tín dụng (TTTD) tạo thu nhập cho ngân hàng, góp phần phát triển kinh tế nhưng đồng thời cũng đem lại không ít rủi ro trong hoạt động ngân hàng. Sử dụng dữ liệu từ báo cáo tài chính của 23 NHTM Việt Nam trong giai đoạn 2008–2017, nghiên cứu phân tích ảnh hưởng của TTTD đến rủi ro tín dụng (RRTD) và rủi ro thanh khoản (RRTK) ngân hàng. Kết quả nghiên cứu từ phương pháp ước lượng moments tổng quát sai phân (Difference General Method of Moments – DGMM) và mô hình tác động ngẫu nhiên (Random Effect Model – REM) cho thấy, TTTD làm gia tăng RRTD cũng như RRTK của ngân hàng. Ngoài ra, nghiên cứu cũng chỉ ra tác động của các yếu tố như quy mô hoạt động, cấu trúc vốn, thu nhập lãi thuần, khả năng sinh lời, tốc độ tăng trưởng kinh tế và lạm phát đến rủi ro hoạt động của ngân hàng.

Từ khóa: Rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, tăng trưởng tín dụng.

Mã phân loại JEL: G210.

Tài liệu tham khảo

- Arellano, M. & Bond, S. (1991). Some tests of specification for panel data: Monte Carlo evidence and an application to employment equations. *The review of economic studies*, 58(2), 277-297.
- Amador, J. S., Gómez-González, J. E. & Pabón, A. M. (2013). Loan growth and bank risk: new evidence. *Financial Markets and Portfolio Management*, 27(4), 365-379.
- Baltagi, B. (2008). *Econometric analysis of panel data*. John Wiley & Sons.
- Cottarelli, C. & Kourelis, A. (1994). Financial structure, bank lending rates, and the transmission mechanism of monetary policy. *Staff Papers*, 41(4), 587-623.
- Clair, R. T. (1992). Loan growth and loan quality: some preliminary evidence from Texas banks. *Economic Review, Federal Reserve Bank of Dallas*, Third Quarter, 9-22.
- Das, A. & Ghosh, S. (2007). Determinants of credit risk in Indian state-owned banks: An empirical investigation. *Economic Issues*, 12(2), 27-46.
- Foos, D., Norden, L. & Weber, M. (2010). Loan growth and riskiness of banks. *Journal of Banking & Finance*, 34(12), 2929-2940.
- Gujarati, D. N. (2004). *Basic Econometrics*, 4th edition, McGraw - Hill Irwin.
- Guo, K. & Stepanyan, V., (2011). Determinants of Bank Credit in Emerging Market Economics. *IMF Working Paper*, No. 11/51, 1-20.
- Garza-Garcia, J. G. (2010). What influences net interest rate margins? Developed versus developing countries. *Banks and Bank Systems*, 5(4), 32-41.
- Hausman, J. A. (1978). Specification tests in econometrics. *Econometrica: Journal of the econometric society*, 46(6), 1251-1271.
- Holtz-Eakin, D., Newey, W. & Rosen, H. S. (1988). Estimating vector autoregressions with panel data. *Econometrica: Journal of the Econometric Society*, 56(6), 1371-1395.
- Hess, K., Grimes, A. & Holmes, M. (2009). Credit losses in Australasian banking. *Economic Record*, 85(270), 331-343.
- Hương Dịu (2018). *Tăng trưởng tín dụng: Lượng phải đi đôi với chất*. Truy cập tại <https://baomoi.com/tang-truong-tin-dung-luong-phai-di-doi-voi-chat/c/24601742.epi>. Ngày truy cập 14/7/2018.
- Hồ Thanh Xuân (2013). *Phát triển dịch vụ ngân hàng – hướng đi bền vững cho ngân hàng thương mại Việt Nam*. Truy cập tại <http://www.div.gov.vn/Default.aspx?tabid=122&News=4333&CategoryID=1>. Ngày truy cập 20/7/2018.

- Igan, D. O. & Tamirisa, N. T. (2007). *Credit Growth and Bank Soundness in Emerging Europe*. Croatian National Bank.
- Keeton, W. R. (1999). Does faster loan growth lead to higher loan losses?. *Economic review-Federal reserve bank of Kansas City*, 84, 57-76.
- Klemperer, P. (1987). Markets with consumer switching costs. *The quarterly journal of economics*, 102(2), 375-394.
- Laeven, L. & Majnoni, G. (2003). Loan loss provisioning and economic slowdowns: too much, too late?. *Journal of financial intermediation*, 12(2), 178-197.
- Lê Long Hậu & Phạm Xuân Quỳnh (2016). Tác động của đa dạng hóa thu nhập đến hiệu quả kinh doanh của các NHTM Việt Nam. *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, 124, 11-22.
- Lê Thị Tuyết Hoa (2012). Quản trị rủi ro thanh khoản của NHTM trong giai đoạn hiện nay. *Tạp chí Ngân hàng*, 17, 54-57.
- Misman, F. N. & Ahmad, W. (2011). Loan loss provisions: evidence from Malaysian Islamic and conventional banks. *International Review of Business Research Papers*, 7(4), 94-103.
- Ngân hàng Nhà nước (2012). *Chỉ thị số 01/CT-NHNN về tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả năm 2012*. Hà Nội.
- Nguyễn Minh Kiều (2007). *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*. NXB Lao động – Xã hội.
- Phan Diên Vỹ (2013). Ảnh hưởng của quan hệ sở hữu chéo trong các ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam - Trường hợp SCB. *Tạp chí Công nghệ Ngân hàng*, 93, 16-20.
- Phan Minh Ngọc (2018). *Rủi ro tăng trưởng tín dụng cao của Việt Nam*. Truy cập tại <https://www.thesaigontimes.vn/268887/Rui-ro-tang-truong-tin-dung-cao-cua-Viet-Nam.html>. Ngày truy cập 10/6/2018
- Rose, P. S. & Hudgins, S. C. (2004). *Bank Management and Financial Services* (6th Edition). Mcgraw-Hill.
- Stiglitz, J. E. & Weiss, A. (1981). Credit rationing in markets with imperfect information. *The American economic review*, 71(3), 393-410.
- Tamirisa, N. T. & Igan, D. O. (2007). Credit growth and bank soundness in emerging europe. *International monetary fund*.
- Tô Ngọc Hưng (2017). Tài cơ cấu hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam hướng tới phát triển bền vững. *Tạp chí ngân hàng*, 1-2(2017), 30-37.
- Thanh Thanh Lan (2017). Ủy ban giám sát: Tỷ lệ nợ xấu ngân hàng năm 2017 là 9,5%. Truy cập tại <https://kinhdoanh.vnexpress.net/tin-tuc/ebank/uy-ban-giam-sat-ty-le-no-xau-ngan-hang-nam-2017-la-9-5-3690140.html>. Ngày truy cập 20/7/2018
- Zribi, N. & Boujelbegrave, Y. (2011). The factors influencing bank credit risk: The case of Tunisia. *Journal of accounting and taxation*, 3(4), 70-78.